

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1191 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 23 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Võ Xu và mở rộng tuyến ống xả Nam Chính và xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 2042/STNMT-CCBVMT ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Võ Xu và mở rộng tuyến ống xả Nam Chính và xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Võ Xu và mở rộng tuyến ống xả Nam Chính và xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận gửi kèm theo nội dung giải trình tại Văn bản số 766/TTN-KTn ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 207/TTr-STNMT ngày 14 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Võ Xu và mở rộng tuyến ống xả Nam Chính và xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi là Dự án) của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Võ Xu, xã Nam Chính và xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo tại Phụ lục Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (đ/c Hải);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Đức Linh;
- UBND xã Vũ Hòa, xã Nam Chính và thị trấn Võ Xu;
- Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TTTT, KT. vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Hải

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Võ Xu và mở rộng tuyến ống xã Nam Chính và xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận

*(Kèm theo Quyết định số: 1191 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Võ Xu và mở rộng tuyến ống xã Nam Chính và xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Địa điểm thực hiện: Thị trấn Võ Xu, xã Nam Chính và xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Chủ dự án đầu tư: Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Bình Thuận.

- Địa chỉ liên lạc: Số 61 đường Cao Thắng, phường Bình Hưng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Văn Liêm, Chức vụ: Giám đốc.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi dự án:

+ Phần đầu tư nâng cấp, mở rộng: Nâng cấp Nhà máy nước thị trấn Võ Xu với công suất khai thác, sử dụng nước 2.400 m³/ngày đêm; đầu tư mở rộng tuyến ống cấp nước xã Nam Chính và xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh với tổng chiều dài khoảng 18.300 m.

+ Phần đầu tư theo hiện trạng: Nhà máy nước thị trấn Võ Xu (hiện hữu) với công suất khai thác, sử dụng nước 2.400 m³/ngày đêm, đã đưa vào khai thác, sử dụng và cấp nước sinh hoạt cho người dân thị trấn Võ Xu, thị trấn Đức Tài, xã Đức Hạnh, xã Nam Chính, xã Vũ Hòa và xã Mê Pu huyện Đức Linh (công suất thiết kế 1.200 m³/ngày đêm được đầu tư, đưa vào sử dụng từ năm 2005 và nâng công suất thiết kế lên 2.400 m³/ngày đêm được đầu tư, đưa vào sử dụng từ năm 2013 đến nay).

- Quy mô, công suất dự án:

+ Đầu tư xây dựng mới hạ tầng kỹ thuật hệ thống cấp nước sạch, công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III; có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công thuộc nhóm C.

+ Nâng cấp nhà máy nước thị trấn Võ Xu với tổng công suất khai thác, sử dụng nước là 4.800 m³/ngày đêm và mở rộng tuyến ống cấp nước xã Nam Chính và xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh với tổng chiều dài khoảng 18.300 m.

1.3. Công nghệ sản xuất:

Quy trình công nghệ sản xuất: Nước từ công trình thu → Trạm bơm cấp I → Bể trộn → Bể lắng lamela → Bể lọc cát → Bể chứa nước sạch → Trạm bơm cấp II → Mạng lưới phân phối.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án:

1.4.1. Các hạng mục công trình:

- Các hạng mục đầu tư mới: Nâng cấp trạm bơm cấp 1; trạm bơm cấp 2 và nhà hóa chất; bể trộn; cụm xử lý nước cấp công suất thiết kế là 2.400 m³/ngày đêm; bể chứa nước sạch 500 m³; máy ép bùn; hồ thu bùn; thiết bị bơm, tủ điều khiển bơm; tuyến ống nước thô; đường ống cấp nước; sân nền nhà máy, đường nội bộ và thoát nước sân vườn; điện chiếu sáng,...

- Các hạng mục công trình hiện hữu: Trạm bơm cấp 1; trạm bơm cấp 2; nhà hóa chất và nhà Clo; bể trộn; 02 cụm xử lý nước cấp, mỗi cụm có công suất 1.200 m³/ngày đêm; 02 bể chứa nước sạch, mỗi bể 230 m³; hồ thu nước; mạng lưới đường ống phân phối nước; nhà để xe; nhà quản lý; nhà kho; nhà nghỉ nhân viên và các hạng mục phụ trợ khác.

1.4.2. Hoạt động của dự án: Khai thác, sử dụng nước mặt để xử lý và cấp nước sinh hoạt cho người dân thị trấn Võ Xu, thị trấn Đức Tài, xã Đức Hạnh, xã Nam Chính, xã Vũ Hòa và xã Mê Pu huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Không có.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Các hạng mục công trình có khả năng tác động xấu đến môi trường: Bể tự hoại 03 ngăn; bể chứa bùn; kho lưu chứa chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; kho chứa hóa chất,...

2.2. Hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Giai đoạn thi công xây dựng: Từ các hoạt động đào đất lấp đặt đường ống chuyển tải; bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; vận chuyển nguyên vật liệu; máy móc, thiết bị thi công xây dựng, cơ khí; hoạt động của công nhân thi công xây dựng, công nhân viên của nhà máy nước hiện hữu; hoạt động rửa các vật liệu lọc, nước xả bỏ của cụm xử lý nhà máy nước hiện hữu,... làm phát sinh chất thải, tiếng ồn, độ rung và các rủi ro, sự cố cháy nổ, an toàn lao động có khả năng tác động xấu đến môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Từ các hoạt động của máy móc, thiết bị vận hành khai thác, sử dụng, xử lý nước và cấp nước của dự án như: Rửa các vật liệu lọc, nước xả bỏ của cụm xử lý của dự án; máy ép bùn; bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị,... làm phát sinh chất thải, tiếng ồn, độ rung và các rủi ro, sự cố cháy nổ, an toàn lao động có khả năng tác động xấu đến môi trường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng, công nhân viên nhà máy nước hiện hữu với lưu lượng khoảng 2,0 m³/ngày (24 giờ), thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), hợp chất hữu cơ dễ phân hủy (BOD₅/COD, Amoni, Nitrat, Photphat,...) và vi sinh vật.

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa các vật liệu lọc, nước xả bỏ từ cụm xử lý của nhà máy nước hiện hữu với lưu lượng khoảng 27,0 m³/ngày, thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), hợp chất hữu cơ dễ phân hủy.

+ Nước thải xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng với lưu lượng khoảng 2,5 m³/ngày, thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS).

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân viên tại dự án với lưu lượng khoảng 1,0 m³/ngày, thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), hợp chất hữu cơ dễ phân hủy (BOD₅/COD, Amoni, Nitrat, Photphat,...) và vi sinh vật.

+ Nước thải sản xuất phát sinh từ quá trình rửa các vật liệu lọc, nước xả bỏ từ cụm xử lý của dự án với lưu lượng khoảng 54,0 m³/ngày, thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), hợp chất hữu cơ dễ phân hủy.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động: Đào đất lấp đặt đường ống chuyển tải; bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; vận chuyển nguyên vật liệu; máy móc, thiết bị thi công xây dựng, cơ khí; hoạt động của công nhân thi công xây dựng, công nhân viên của nhà máy nước hiện hữu; hoạt động rửa các vật liệu lọc, nước xả bỏ của cụm xử lý của nhà máy nước hiện hữu,... Các thành phần ô nhiễm chủ yếu là bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, VOC,...; tải lượng và nồng độ của bụi, khí thải phát sinh có tính cục bộ, bụi hạt lớn dễ lắng đọng, phát tán trong phạm vi khu vực thi công xây dựng và dọc tuyến đường vận chuyển vào dự án.

- Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án, thành phần ô nhiễm chủ yếu là bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, VOC,... Mùi phát sinh từ khâu pha hóa chất và khu vực đặt thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, thành phần chủ yếu là Clo, NH₃, H₂S...; tải lượng và nồng độ của bụi, khí thải, mùi phát sinh có tính cục bộ, trong khu vực dự án và dọc tuyến đường vận chuyển vào dự án.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt:

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 15,0 kg/ngày, thành phần chủ yếu là chất thải hữu cơ (thức ăn thừa), chất thải vô cơ (các loại bao bì: túi nilong, vỏ cơm hộp,...) phát sinh từ sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng, của công nhân viên nhà máy nước hiện hữu.

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn vận hành khoảng 5,0 kg/ngày, thành phần chủ yếu là chất thải hữu cơ (thức ăn thừa), chất thải vô cơ (các loại bao bì: túi nilong, vỏ cơm hộp,...) phát sinh từ sinh hoạt của công nhân viên tại dự án.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 0,5 tấn/ngày, thành phần chủ yếu là phế thải dạng rắn (đất, đá, gạch vỡ vụn, gỗ vụn, sắt thép vụn,...), bao bì các loại thải,...; khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong giai đoạn xây dựng từ nhà máy hiện hữu khoảng 38,0 kg/tháng, thành phần chủ yếu là bùn thải từ quá trình ép bùn, giấy thải, bao bì các loại,...

- Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh trong giai đoạn vận hành khoảng 76,0 kg/tháng, thành phần chủ yếu là bùn thải từ quá trình ép bùn, giấy thải, bao bì các loại,...

3.2.3 Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 31,8 kg/tháng; danh mục chủ yếu gồm: Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bao bì kim loại cứng thải (đã chứa chất khí thải ra là chất thải nguy hại, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang); chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; hộp chứa mực in thải; bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; pin, ắc quy thải; các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử.

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn vận hành khoảng 14,0 kg/tháng; danh mục chủ yếu gồm: Hộp chứa mực in thải; bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải; pin, ắc quy thải; các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh giai đoạn xây dựng từ hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công xây dựng, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị vận hành khai thác, sử dụng, xử lý nước và cấp nước của nhà máy nước hiện hữu,...

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh giai đoạn vận hành từ hoạt động máy móc, thiết bị vận hành khai thác, sử dụng, xử lý nước và cấp nước của dự án, bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị,...

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Nhà máy nước hiện hữu đã có nhà vệ sinh, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn với dung tích 5,0 m³, trong giai đoạn xây dựng dùng chung nhà vệ sinh này. Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ 03 đến 06 tháng/lần đến thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Nước thải sản xuất: Nhà máy nước hiện hữu lưu chứa và lắng, nước sau lắng để tái sử dụng cấp tiếp tục cho hệ thống xử lý nước cấp.

+ Nước thải xây dựng: Dự án thu gom về 01 hố lắng tạm với dung tích chứa 7,5m³ (có kích thước D x R x H = 5,0m x 3,0m x 0,5m), đáy lót bạt HDPE để lắng cặn nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị thi công, phương tiện vận chuyển; định kỳ công nhân thực hiện nạo vét bùn hố lắng tạm, nước sau lắng được tái sử dụng tưới giảm bụi, không xả nước thải xây dựng chưa qua xử lý sơ bộ ra môi trường.

- Giai đoạn vận hành:

+ Nước thải sinh hoạt: Dự án dùng chung nhà vệ sinh hiện hữu, xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn với dung tích 5,0 m³. Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, lưu chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ 03 đến 06 tháng/lần đến thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Nước thải sản xuất: Dự án xây dựng mới Bể thu bùn với dung tích chứa 200 m³ (có kích thước D x R x H = 20m x 5,0m x 2,0m) thiết kế mái bê, chân khay, tường tràn BTCT M250 để thu gom, lưu chứa và lắng nước rửa lọc từ quá trình lắng, rửa xả lọc. Nước sau khi lắng được tái sử dụng, tuần hoàn về bể trộn, không xả nước thải sản xuất chưa qua xử lý sơ bộ ra môi trường.

4.1.2. Thu gom và xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, cơ giới hóa các thao tác và rút ngắn thời gian tháo dỡ đến mức tối đa nhằm đảm bảo tối ưu về vấn đề môi trường và an toàn cho người dân, công nhân trong công trình. Bố trí các biển báo hiệu tại công trường đang thi công.

+ Lập kế hoạch thi công hợp lý để rút ngắn thời gian thi công như: Áp dụng biện pháp thi công cuốn chiếu, áp dụng trình tự thi công hợp lý giữa các hạng mục công trình cơ bản trước sau để bảo đảm rút gọn thời gian thi công, an toàn giao thông và hạn chế các tác động có hại do bụi, khí thải trên công trường. Khi chuyên chở các nguyên vật liệu, các xe vận tải phải được phủ kín, tránh rơi vãi đất, cát, bụi gỗ trên đường và vận chuyển đúng trọng tải của xe theo quy định.

+ Thi công tuyến ống được thực hiện theo từng đoạn, đào đến đâu lấp đặt tuyến ống đến đó và san lấp mặt bằng, hoàn trả lại hiện trạng như ban đầu trước khi thi công đoạn tiếp theo.

+ Sử dụng xe tưới nước để rửa đường, các đoạn thi công tuyến ống và tưới các loại vật liệu tập kết để giảm sự phát thải của bụi với tần suất trung bình 02 lần/ngày và tăng tần suất tưới lên 04 lần/ngày vào những ngày thời tiết nắng, gió để hạn chế bụi bay ảnh hưởng đến hộ dân xung quanh.

+ Bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công.

+ Trang bị các thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại dự án theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Giảm thiểu bụi, khí thải phương tiện giao thông: Bê tông hóa các đường nội bộ đi lại giữa các khu chức năng trong dự án; thường quét dọn xuyên đường nội bộ; bố trí diện tích cây xanh cảnh quan, cây xanh tập trung xung quanh khu dự án; lắp đặt biển báo quy định tốc độ cho từng loại xe ra vào dự án.

+ Giảm thiểu mùi phát sinh từ khâu pha hóa chất, khu lưu chứa chất thải rắn: Lập quy trình pha hóa chất vừa đủ hàm lượng cung cấp cho quá trình xử lý nước cấp; thường xuyên kiểm tra chất lượng hóa chất đầu vào từ đơn vị cung cấp, đảm bảo đúng chủng loại và nhà sản xuất; khu lưu chứa hóa chất

phải thông thoáng, tránh xa các thiết bị, nguồn điện. Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom hằng ngày nhằm tránh sự phân hủy và phát sinh mùi hôi bên trong, bên ngoài khu vực dự án.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc; trang bị các thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại dự án theo quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Chủ dự án thực hiện biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại chung cho cả giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành như sau:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện phân loại, thu gom, bố trí khu vực tập kết và thực hiện trách nhiệm quản lý chất thải rắn xây dựng theo quy định. Phế thải xây dựng được tận dụng để san lấp công trình trong dự án, sau hoàn thiện mặt bằng hoặc nếu có dư phải bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường: Thực hiện phân loại, thu gom, bố trí khu vực tập kết và thực hiện trách nhiệm quản lý chất thải rắn thông thường theo quy định. Chất thải rắn thông thường tận dụng được (như: Giấy báo, bao bì các loại không chứa thành phần nguy hại,...) thì thu gom, lưu chứa, định kỳ bán phế liệu cho các tổ chức, cá nhân hoặc bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Bùn lắng tại Bể thu bùn phải thu gom, xử lý bằng máy ép bùn khung bản để tách các chất rắn, chất xơ, cặn bã lơ lửng có trong dung dịch bùn nhằm giảm lượng hóa chất keo tụ. Bùn khô sau khi ép phải lưu chứa vào bao bì và bàn giao với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Thực hiện khai báo, phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Chủ dự án bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; lưu giữ chất thải nguy hại trong các bao bì hoặc thiết bị lưu chứa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, quy trình quản lý theo quy định; ký hợp đồng chuyển giao chất thải nguy hại với các tổ chức, cá nhân có Giấy phép xử lý chất thải nguy hại hoặc Giấy phép quản lý chất thải nguy hại phù hợp,...

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt:

Thực hiện phân loại, thu gom, bố trí các thùng chứa, khu vực tập kết rác thải và thực hiện trách nhiệm quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Đối với chất thải rắn vô cơ tái chế được (như vỏ lon, vỏ chai nhựa,...) phải tiến hành thu gom, lưu giữ và bán cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu; chất thải rắn vô cơ không tái chế được phải thu gom, lưu chứa bằng thùng chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

Chủ dự án thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung chung cho cả giai đoạn xây dựng và giai đoạn vận hành như sau:

- Bố trí máy móc, thiết bị thi công xây dựng, vận hành khai thác, xử lý nước cấp với khoảng cách phù hợp, không tập trung máy móc, thiết bị có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn trong một khu vực; lập kế hoạch thi công xây dựng hợp lý để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh và đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho phép.

- Thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị, phương tiện thi công xây dựng, kiểm tra các khớp nối, bôi trơn định kỳ máy móc, thiết bị vận hành khai thác, xử lý nước cấp nhằm giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh và đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho phép; không sử dụng các máy móc, phương tiện thi công xây dựng quá cũ gây tiếng ồn lớn vượt quá mức quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho phép; vận hành theo đúng hồ sơ hướng dẫn kỹ thuật để hạn chế tiếng ồn, rung.

- Trang bị các thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực phát sinh tiếng ồn, độ rung theo quy định.

- Giám sát hoạt động của các thiết bị, máy móc khi sử dụng đảm bảo phát sinh tiếng ồn, độ rung không vượt quá mức cho phép của QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

4.4. Các công trình, biện pháp khác:

- Sự cố cháy nổ: Tuân thủ các quy định về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo Luật phòng cháy và chữa cháy, các Tiêu chuẩn Quốc gia về phòng cháy chữa cháy, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình và quy định về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của tỉnh Bình Thuận.

- Phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- + Hệ thống đường ống cấp, thoát nước phải có khoảng cách an toàn; thường xuyên kiểm tra, bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn; tiến hành nạo vét, khơi thông cống rãnh thoát nước mưa định kỳ.

+ Thường xuyên dõi hoạt động của bể tự hoại để kịp thời phát hiện và khắc phục như: Việc tắc nghẽn bồn cầu hoặc đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được; tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Phát hiện nước thải của bể tự hoại bị rò rỉ phải khắc phục, cải tạo, sửa chữa kịp thời.

- Xây dựng các hạng mục công trình đúng theo thiết kế kỹ thuật được phê duyệt; có hệ thống thoát nước tạm thời trong khu vực xây dựng nhằm hạn chế hiện tượng ngập úng, xói mòn và rửa trôi; không san lấp hoặc có các hoạt động gây cản trở dòng chảy.

- Thực hiện phương án, biện pháp phòng ngừa, ứng phó rủi ro trong mùa mưa bão, khu vực khai thác nước sông La Ngà: Nhà máy nước hiện hữu đã có tường bao quanh để ngăn cách và bảo vệ các hạng mục công trình bên trong nhà máy nước với bên ngoài; hệ thống thu nước mưa bằng cống bê tông cốt thép bố trí dọc ranh tường rào, thiết kế có song chắn rác để thu gom toàn bộ lượng nước mưa phát sinh và thoát ra sông, độ dốc thiết kế tự chảy đảm bảo không gây ứ đọng và ngập do mưa lớn; bố trí nhân sự trực 24/24 giờ tại công trình đối với thời điểm xảy ra trong mùa mưa bão.

- Phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất: Nhà máy nước hiện hữu đã có kho lưu chứa hóa chất riêng biệt và thiết kế thông thoáng; bố trí bình phòng cháy chữa cháy tại khu vực cửa kho phòng ngừa khi có sự cố cháy nổ; lưu chứa hóa chất với khối lượng vừa đủ để duy trì hoạt động của công trình, không nhập quá nhiều đến phải chồng chất lên nhau trong kho chứa; xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định hiện hành.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

a) Giám sát nước thải:

- Thông số đo đạc: pH, SS, BOD₅, COD, Dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Vị trí giám sát: 01 điểm tại hố lắng trong công trường.
- Tần suất thu mẫu và phân tích: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

b) Giám sát chất thải rắn:

- Thường xuyên kiểm tra giám sát việc phân loại, thu gom, lưu trữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý chất thải rắn của dự án trong giai đoạn xây dựng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Vị trí giám sát: Các vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Khối lượng phát sinh, thành phần, việc phân loại và thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên theo ngày.

c) Giám sát các vấn đề môi trường khác:

- Giám sát bụi, tiếng ồn trong giai đoạn triển khai xây dựng.

- Giám sát nước mưa chảy tràn trong khu vực thi công và từ bên ngoài vào dự án.

- Giám sát các công tác về các biện pháp giảm thiểu tác động đến dân cư.

- Giám sát, theo dõi các sự cố môi trường có thể xảy ra trong giai đoạn thi công để có những biện pháp xử lý thích hợp và nhanh chóng.

- Giám sát sụp lún hố móng trong quá trình đào móng xây dựng

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong suốt quá trình thi công.

5.2. Giai đoạn vận hành:

a) Giám sát chất thải rắn:

- Thường xuyên kiểm tra giám sát việc phân loại, thu gom, lưu trữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý chất thải rắn theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Vị trí giám sát: Tại các vị trí tập kết chất thải, kho lưu chứa chất thải trong dự án.

- Đối với bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước cấp: Căn cứ vào kết quả phân tích bùn thải, đơn vị quản lý vận hành công trình sẽ thực hiện hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng xử lý.

- Theo dõi cập nhật khối lượng, thành phần chất thải phát sinh, kiểm tra việc phân loại và thu gom, hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý tương ứng với từng loại chất thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên theo ngày.

b) Giám sát không khí xung quanh:

Giai đoạn hoạt động vận hành của dự án không phát sinh ra chất phóng xạ hoặc một số loại hình đặc thù có nguy cơ tác động xấu đến môi trường nên dự án không thực hiện giám sát môi trường không khí xung quanh.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Giám sát hệ thống cấp, thoát nước: Kiểm tra hệ thống đường ống, máy bơm nước sạch; hệ thống đường ống thoát cấp nước, trạm bơm, các bể xử lý có rò rỉ, nứt vỡ, cặn lắng,... Tần suất: Thường xuyên.

- Giám sát hệ thống cống thu gom và thoát nước mưa, khơi thông, nạo vét chất thải theo định kỳ hàng năm, trước khi vào mùa mưa.

- Giám sát sự sụt lún của công trình: Thường xuyên giám sát sự sụt lún của công trình để có biện pháp khắc phục, gia cố lại công trình khi có sự cố xảy ra.

- Giám sát cháy nổ: Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường điện, các thiết bị điện, kho lưu chứa, kho chất thải nguy hại,... Tần suất: Liên tục hàng ngày.

- Giám sát lưu chứa hóa chất: Số lượng, loại hóa chất và lập hồ sơ kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo quy định hiện hành.

- Giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước cấp: Theo dõi, kiểm tra tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị vận hành; kiểm tra tình trạng các bể xử lý, lưu lượng, chất lượng nước thải đầu vào, hiệu quả xử lý của từng bể và chất lượng nước đầu ra đạt chuẩn trước khi cấp cho sinh hoạt. Tần suất: thường xuyên hàng ngày./.